

Số: 18/QĐ-SGDĐT

Bắc Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022**

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 593/2015/QĐ-UBND ngày 02/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Công văn số 107/STC-HCSN ngày 11/01/2021 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang về việc thông báo dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 đối với cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), các trường trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trực thuộc Sở GD&ĐT.

*(Chi tiết dự toán thu chi của từng đơn vị theo biểu đính kèm).*

**Điều 2.** Dự toán chi ngân sách nhà nước được giao năm 2022 đã tính đủ chế độ lương của người lao động, các khoản đóng góp theo quy định; phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo theo Nghị định 54/2011/NĐ-CP; chế độ giáo viên theo Nghị định 140/NĐ-CP ngày 5/12/2017; chế độ phụ cấp công vụ theo Nghị định số 57/2011/NĐ-CP theo mức lương tối thiểu 1.490.000 đồng. Chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội ĐBKK theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP; chế độ của học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-TTg ngày 18/7/2016; chế độ học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013; học bổng các trường

dân tộc nội trú, trường chuyên; chế độ cấp bù miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ học sinh trường THPT Chuyên theo Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND.

Căn cứ vào nhiệm vụ và kế hoạch được giao, thủ trưởng các đơn vị tổ chức chỉ đạo thực hiện dự toán thu chi theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng Sở GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT có tên trong danh sách tại Điều 1 và phòng Kế hoạch - Tài chính căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính (b/c);
- KBNN tỉnh, các huyện (p/h);
- Lưu: VT, KHTC.



**GIÁM ĐỐC**

**Tạ Việt Hùng**



## DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 18/QĐ-SGDĐT ngày 12/01/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

## Trường THPT Mỏ Trạng

Chương 422 Loại 070 khoản 074

Đơn vị: nghìn đồng

TT	CHI TIẾT	Dự toán năm 2022 (chưa trừ tiết kiệm)	Trừ tiết kiệm chi khác 10%	Trừ cải cách tiền lương	Giảm chi NSNN đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên	Dự toán năm 2022 (đã trừ tiết kiệm)
<b>A</b>	<b>Thu sự nghiệp, dịch vụ</b>					
1	Thu học phí	168.000				168.000
2	Trích tối thiểu cải cách tiền lương từ phần thu (gồm Học phí, Cấp bù MGHP, Chênh lệch số thực thu và dự toán giao qua thẩm định quyết toán năm 2020)			92.000		92.000
3	Thu dạy thêm, thu dịch vụ trông xe, thu khác	762.000				762.000
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>8.035.516</b>	<b>130.200</b>	<b>92.000</b>	<b>85.050</b>	<b>7.728.266</b>
<b>1</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>6.247.000</b>	<b>130.200</b>	<b>92.000</b>	<b>85.050</b>	<b>5.939.750</b>
1.1	Chi lương, nâng lương, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp; Chi chuyên môn, mua sắm sửa chữa, chi khác	6.185.000	130.200	92.000	85.050	5.877.750
	<i>Trong đó: Kinh phí tối thiểu sửa chữa mua sắm cơ sở vật chất, thiết bị</i>	<i>390.600</i>				<i>390.600</i>
1.2	Giáo viên hưởng chế độ NĐ 140/2017/NĐ-CP	-				-
1.3	Chi phụ cấp thu hút (NĐ 76)	-				-
1.4	Chi phụ cấp lâu năm (NĐ 76)	-				-
1.5	Chi cho học sinh DTNT theo TT 109; thuê hợp đồng nấu ăn, bảo vệ	-				-
1.6	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)	62.000				62.000
<b>2</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>1.788.516</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.788.516</b>
2.1	Học bổng DTNT	-				-
2.2	Học bổng THPT Chuyên	-				-
2.3	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 16/2019/NQ-HĐND	-				-
2.4	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76	-				-
2.5	Chi chuyên vùng, thăm quan học tập theo NĐ 76	-				-
2.6	Chi tổ chức ôn luyện HSG quốc gia và quốc tế	-				-
2.7	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập	65.560				65.560
2.8	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC	22.956				22.956
2.9	Hỗ trợ chi sửa chữa thường xuyên CSVC trường học	1.700.000				1.700.000
2.10	Hỗ trợ chi diệt mối CSVC trường học	-				-

